

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 12 và năm 2016

Năm 2016, năm khởi đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2016 là cơ sở và động lực cho việc thực hiện các Chiến lược phát triển kinh tế của Thành phố, kích thích tinh thần khởi nghiệp lan tỏa trong xã hội.

Kinh tế - xã hội Thành phố năm qua diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại. Giá cả hàng hoá thế giới vẫn ở mức thấp, thị trường tài chính, tiền tệ thế giới có nhiều biến động. Trong nước ngoài những thành tựu đạt được như kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, song vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn, biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp, bảo lũ và sự cố ô nhiễm môi trường ở bốn tỉnh miền Trung. Tất cả đã ảnh hưởng đến kinh tế cả nước nói chung và Thành phố nói riêng.

Trước tình hình đó, ngay từ đầu năm Thành Ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016; Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; triển khai các chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ Thành phố; thực hiện Đề án xây dựng Thành phố thông minh, có chất lượng sống tốt; tiếp tục thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, giảm dần chênh lệch về đời sống giữa nông thôn và thành thị. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế. Dưới đây là một số kết quả hoạt động của các ngành, lĩnh vực năm 2016:

Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2016

	Năm 2016		Thực hiện năm 2015
	Kế hoạch	Thực hiện	
1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP – (%)	8	8,05	7,72
<i>Trong đó: Nông, lâm, thủy sản</i>		5,81	5,66
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>		7,88	7,71
<i>Dịch vụ</i>		8,07	7,90
2 Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP-%)		107,33	107,85
3 Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)		5,2	-3,47
Trong đó: - Trừ dầu thô		10,0	10,06
4 Tỷ trọng vốn đầu tư so GDP (%)	30	30,3	29,8

	Năm 2016		Thực hiện năm 2015
	Kế hoạch	Thực hiện	
5 Cấp phép mới vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		914,6	2.810,3
6 Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	298.300	307.336	273.358
Thu ngân sách không tính dầu thô	280.100	293.277	250.375
T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	177.600	190.778	156.477
* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	102.500	102.500	93.899
7 Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	63.801	59.407	51.884
T.đó: Chi đầu tư phát triển	26.547	26.065	26.268
8 Số LĐ được giải quyết việc làm (ngàn người)	270	311,1	295,3
Trong đó: Được tạo việc làm mới	125	130,1	123,7
10 Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí giảm nghèo đa chiều			3,3%

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 8,05% so năm trước (năm 2015 tăng 7,72%). Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 107,33% (năm 2015 đạt 107,85%); tổng vốn đầu tư xã hội đạt 310,52 ngàn tỷ đồng bằng 100,13% kế hoạch đề ra, so cùng kỳ tăng 9,26%, so với GRDP bằng 30,3%; tổng thu cân đối ngân Nhà nước đạt 307.336 tỷ đồng, đạt 103,03% dự toán, tăng 12,43%; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 59.407 tỷ đồng, đạt 93,11% dự toán, tăng 14,5% so cùng kỳ; tín dụng (đến 1/12) tăng 16,94% so tháng cùng kỳ.

I. TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP cả năm ước đạt 1.023.926 tỷ đồng (theo giá thực tế). Tính theo giá so sánh 2010 đạt **790.357 tỷ đồng, tăng 8,05%** so năm trước, cao hơn mức tăng 7,72% của năm 2015. .

Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2016

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010		Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	Chỉ số phát triển so với năm 2015 (%)	
Tổng số	1.023.926	100,0	790.357	108,05	8,05
<i>Phân theo khu vực</i>					
- Nông, lâm, thủy sản	8.588	0,84	5.656	105,81	0,04
- Công nghiệp và xây dựng	294.501	28,76	230.799	107,88	2,31
+ Công nghiệp	242.708	23,70	189.001	107,31	1,76
+ Xây dựng	51.793	5,06	41.798	110,55	0,55
- Dịch vụ	561.121	54,80	432.275	108,07	4,41
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	159.716	15,60	121.627	108,41	1,29

Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mục tiêu 8% đề ra và là mức tăng cao nhất của các năm từ 2012-2015, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Trong mức tăng

trưởng chung 8,05% của kinh tế Thành phố: khu vực nông lâm thủy sản tăng 5,81%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,88%, đóng góp 2,31% điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ tăng 8,07%, đóng góp 4,41 điểm phần trăm.

- Khu vực nông lâm thủy sản có mức tăng 5,81%, cao hơn mức tăng 5,66% của cùng kỳ.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực có mức tăng trưởng ổn định trong 2 năm gần đây: ngành công nghiệp tăng 7,31%, cùng kỳ có mức tăng 7,26%; ngành xây dựng tăng 10,55%, cao hơn so với mức tăng 9,86% của cùng kỳ năm trước.

- Khu vực thương mại dịch vụ có mức tăng 8,07%, cao hơn so với mức tăng 7,90% cùng kỳ năm trước, nơi có nhiều hoạt động kinh doanh sôi nổi, thu hút nhiều dự án của nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đồng thời có sự cạnh tranh quyết liệt, nhất là trong lĩnh vực bán lẻ. Một số ngành dịch vụ có mức tăng khá như: vận tải kho bãi 10,05%, tài chính ngân hàng 8,55%, kinh doanh bất động sản 7,93%.

Quy mô kinh tế của thành phố năm nay theo giá hiện hành đạt 1.023,926 ngàn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người năm 2016 ước tính đạt 121,5 triệu đồng, tương đương 5.428 USD. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch nhưng còn ở tốc độ chậm, trong đó khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 28,76%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 54,8% (thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 15,6%). Cơ cấu kinh tế của năm 2015 tương ứng: nông lâm thủy sản 0,82%; công nghiệp và xây dựng 28,96%; thương mại dịch vụ 54,74% (thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 15,48%).

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình sản xuất công nghiệp tháng 12 và ước tính cả năm 2016 trên địa bàn thành phố vẫn duy trì tăng trưởng cao hơn tháng trước và so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 12 ước tính tăng 3,86% so tháng trước. Trong đó một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so với tháng trước như: sản xuất da (+17,75%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+11,2%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+9,76%); dệt (+9,35%); sản xuất đồ uống (+7,98%); sản xuất trang phục (+7,67%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất sản phẩm điện tử (-0,11%); sản xuất thuốc (-1,03%); sản xuất xe có động cơ (-7,72%)...

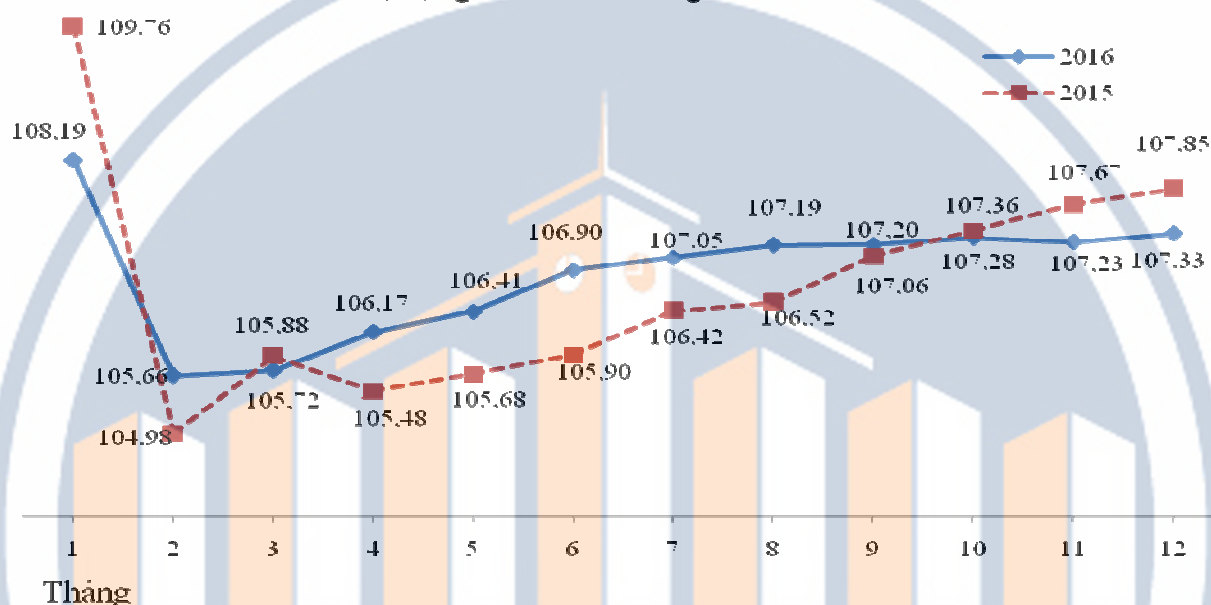
So với tháng 12/2015, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 9,56%.

Tính chung cả năm, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 7,33% so với năm 2015¹. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,28% đóng góp 7,06 điểm phần trăm; sản xuất phân phối điện tăng 9,3% đóng góp 0,08 điểm phần trăm; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 14,68% đóng góp 0,28 điểm phần trăm; ngành

¹ Năm 2015 chỉ số IIP tăng 7,85%, năm 2014 chỉ số IIP tăng 6,86%.

công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm 32,65% làm giảm 0,08 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 12 so với tháng 11	Năm 2016 so với năm 2015
Tổng số	103,86	107,33
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	100,29	67,35
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,92	107,28
3. SX và phân phối điện	101,77	109,30
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,38	114,68
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	100,99	109,84
2. Sản xuất đồ uống	107,98	113,25
3. Sản xuất trang phục	107,67	105,69
4. Sản xuất da và SP liên quan	117,75	94,70
5. SX hóa chất và SP hóa chất	100,60	104,08
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	104,52	100,83
7. SP. từ khoáng phi kim loại	106,25	120,24
8. Sản xuất SP điện tử	99,89	108,83
9. Sản xuất thiết bị điện	102,69	110,02
10. Sản xuất xe có động cơ	92,28	121,96

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 22/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất xe có động cơ (+21,96%); sản xuất đồ uống (+13,25%); sản xuất kim loại (+12,04%); sản xuất thiết bị điện (10,02%)... Nguyên nhân các đơn vị sản xuất chuẩn bị lượng hàng phục vụ Tết đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Bên cạnh đó thị trường bất động sản đang âm dần

đã kích thích ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng mạnh (+20,24%), trong đó: sản xuất xi măng (+21,22%), sản xuất bê tông (+19,21%)...**Một số ngành có mức tăng khá như:** sản xuất giấy (+9,25%); sản xuất sản phẩm điện tử (+8,83%); dệt (+7,52%); sản xuất trang phục (+5,69%)...**Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm:** sản xuất da (-5,3%); sản xuất thuốc, hóa dược (-5,57%); sản xuất phương tiện vận tải khác (-12,65%)...

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 12 tăng 1,84% so với tháng trước; tăng 9,54% so với tháng 12/2015. Tính chung cả năm tăng 7,77% so cùng kỳ, cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Trong đó, ngành chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống tăng 11,88%; sản xuất hàng điện tử tăng 8,83%; ngành cơ khí tăng 7,98%; ngành hóa dược giảm nhẹ 0,58%.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Tháng 12 so với tháng 11	Đơn vị tính: % Năm 2016 so với năm 2015
Tổng số	101,84	107,77
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	105,36	111,88
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	100,99	109,84
11-Sản xuất đồ uống	107,98	113,25
B-Nhóm Ngành hóa dược	101,74	99,42
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	100,60	104,08
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	98,97	94,43
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	104,52	100,83
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	99,89	108,83
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	99,89	108,83
D-Nhóm ngành cơ khí	100,27	107,98
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	109,76	103,85
27-Sản xuất thiết bị điện	102,69	110,02
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	110,43	115,65
29-Sản xuất xe có động cơ	92,28	121,96
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	87,11	87,35

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng cuối năm có xu hướng tăng cao ở mức 19,17% so tháng trước và tăng 23,97% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 11 tháng tăng 7,61% so với cùng kỳ. Trong đó ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất đồ uống; trang phục; sản xuất xe có động cơ; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại..Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp như: sản xuất giấy; sản xuất hóa chất; hóa dược; dệt ...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/12 đã giảm 12,6% so với tháng trước, tăng 12,77% so với cùng kỳ năm 2015... Tình hình tồn kho tăng cao so với cùng kỳ là do các doanh nghiệp chuẩn bị hàng dự trữ để bán cuối năm đặc biệt là ngành sản xuất đồ uống, thực phẩm, trang phục và điện tử tăng khá cao. Tuy nhiên cũng có một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất thuốc lá; dệt; sản xuất da; hóa chất...

III. XÂY DỰNG

Hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là những tháng cuối năm. Các doanh nghiệp tiếp tục đẩy nhanh việc thi công những công trình chuyển tiếp đồng thời triển khai thực hiện các hợp đồng mới. Ngoài ra, giá vật liệu xây dựng tiếp tục ổn định cùng với sự ấm lên của thị trường bất động sản tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình. Nhiều dự án phát triển nhà ở được hoàn thành và bàn giao trong năm cùng với hoạt động xây dựng nhà ở trong dân tăng khá cao đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất của ngành.

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2016 theo giá hiện hành ước đạt 215.019,70 tỷ đồng, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 16.122,72 tỷ đồng, chiếm 7,5%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 180.332,66 tỷ đồng, chiếm 83,87%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18.564,33 tỷ đồng, chiếm 8,63%. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà chiếm 50,21%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 28,96% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 20,83%.

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2016 theo giá so sánh ước đạt 179.374,92 tỷ đồng, tăng 11,67% so với cùng kỳ năm 2015, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 13.449,13 tỷ đồng, tăng 5,48%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 150.424,06 tỷ đồng, tăng 13,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.501,73 tỷ đồng, tăng 0,26%. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà tăng 15,36%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 7,88% và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 8,62%.

IV. ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2016 ước thực hiện 310.521 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,13%, so với cùng kỳ tăng 9,26%, thấp hơn tốc độ tăng năm trước (năm 2015 tăng 11,2%). Tốc độ tăng vốn trên địa bàn năm nay vẫn ở mức khá, vốn tín dụng cho vay dài hạn của các ngân hàng tăng cao, tập trung nhiều chủ yếu là ngành bất động sản. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực này tăng khá cao. Ngoài các yếu tố trên, thì kênh đầu tư theo hình thức BOT, BT, PPP (hợp tác công tư) cũng đang được áp dụng rộng rãi và hiệu quả rất cao.

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

	Thực hiện năm 2016 (tỷ đồng)	So với năm 2015(%)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	310.521	109,26	100,0
- Vốn nhà nước	61.488	108,76	19,8
- Vốn ngoài nhà nước	201.521	108,87	64,9
- Vốn nước ngoài	47.512	111,59	15,3

Vốn đầu tư so GRDP bằng 30,3%.

Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố: Mười hai tháng ước thực hiện 22.520,8 tỷ đồng, đạt 83,9% kế hoạch năm, tăng 8,48% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 13.515,1 tỷ đồng, chiếm 60%, so cùng kỳ tăng 15,40%; cấp quận huyện ước thực hiện 9.005,7 tỷ đồng, chiếm 40%, so với cùng kỳ bằng 98,61%.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách thành phố

	Thực hiện năm 2016 (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Năm 2015
Tổng số	22.520,8	83,9	108,48
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	1.136,9	74,8	151,40
Cấp thành phố	13.515,1	79,6	115,40
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	598,7	86,5	213,41
Cấp quận huyện	9.005,7	83,0	98,61
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	538,2	65,0	114,51

Trong năm vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng bao gồm: (hệ thống cầu, đường, bến cảng, hệ thống cấp thoát nước...) ước thực hiện 14.521,3 tỷ đồng, chiếm 64,5% tổng vốn thực hiện cả năm. Tuy nhiên, vốn ngân sách đầu tư cho cơ sở hạ tầng như hiện nay, chưa đáp ứng với tình hình tăng trưởng kinh tế đang diễn ra.

Tình hình giải ngân vốn ODA: Theo kế hoạch có 16 dự án, với tổng kế hoạch vốn năm 5.237,1 tỷ đồng, tập trung chủ yếu là các dự án cấp thoát nước và cầu, đường; ước thực hiện 12 tháng 4.073 tỷ đồng, so kế hoạch đạt 77,8%.

Tình hình giải ngân vốn trái phiếu Chính Phủ: Trong năm chỉ có 1 dự án, với kế hoạch vốn 164,5 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm 80,5 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 48,9%.

Chương trình giảm ùn tắc giao thông: kế hoạch vốn từ ngân sách có 156 dự án với tổng vốn 4.920,8 tỷ đồng, thực hiện cả năm ước đạt trên 82,5%. Vốn đầu tư từ ngân sách để giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông trong những năm gần đây tăng liên tục, năm sau cao hơn năm trước, nhưng tình hình ùn tắc ngày càng nghiêm trọng, nhất là giờ cao điểm, làm ảnh hưởng rất lớn đến đến sự phát triển của thành phố. Lý do: về tổng thể, quy hoạch giao thông thiếu khớp nối, ý thức chấp hành giao thông của người dân còn hạn chế, phương tiện tham gia giao thông như ô tô, xe máy tăng nhanh, trong lúc diện tích mở rộng đường và đường làm mới tăng chậm.

Chương trình giáo dục-đào tạo: Vốn từ ngân sách thành phố dành cho 136 dự án trường học với tổng kế hoạch vốn 1.400,7 tỷ đồng, thực hiện cả năm đạt 86,4%. Trong năm nhiều trường học được khánh thành đưa vào phục vụ giảng dạy, tập trung nhiều ở các quận huyện ngoại thành, như: Huyện Bình Chánh, Củ Chi, Nhà Bè...

Chương trình đầu tư cho Y tế: kế hoạch trong năm vốn từ ngân sách thành phố có 17 dự án Y tế, với kế hoạch vốn 419,1 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm đạt 84,5%. Tập trung chủ yếu là các dự án phục vụ giảm tải và xây mới ở các bệnh viện.

Chương trình chống ngập nước, thoát nước:

Theo kế hoạch trong năm có 22 dự án chống ngập và thoát nước trên địa bàn thành phố với tổng vốn 156,3 tỷ đồng, khối lượng thực hiện cả năm đạt trên 88,7%. Kế hoạch vốn trên quá thấp so với thực tế diễn ra, do triều cường hàng năm ngày càng tăng, cộng với cơ sở hạ tầng thiếu tính đồng bộ, xuống cấp, nên số điểm ngập tăng cả nội và ngoại thành, cụ thể: Quận Thủ Đức, Quận Bình Thạnh, Quận Tân Phú, Quận 6, Quận 7, Huyện Bình Chánh, Huyện Nhà Bè; Quận 12...

2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến ngày 30/11, toàn thành phố đã cấp 54.232 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 11.008,2 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 53.485 giấy phép, với diện tích 10.929,3 ngàn m² và 747 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 78,9 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 8,8% về giấy phép (+4.288) và tăng 11,0% về diện tích (+1.091 ngàn m²).

3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/12, đã có 799 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 914,6 triệu USD (cùng kỳ năm trước đạt 2.810,3 triệu USD)². Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 177 dự án, số vốn đạt 529,2 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đến ngày 15/12 đạt 1.443,8 triệu USD** (cùng kỳ năm trước 3.636,5 triệu USD).

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 640 dự án, vốn đầu tư đạt 720,7 triệu USD; liên doanh 151 dự án, vốn đầu tư 184,9 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 8 dự án, vốn đầu tư 9 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực kinh doanh: hoạt động kinh doanh bất động sản ở vị trí dẫn đầu với 24 dự án, vốn đầu tư 357,4 triệu USD, chiếm 39,1%; thương nghiệp 296 dự án, vốn đầu tư 240,2 triệu USD (chiếm 26,3%); công nghiệp chế biến, chế tạo 45 dự án, vốn đầu tư 98,1 triệu USD (chiếm 10,7%); thông tin và truyền thông 118 dự án, vốn đầu tư 61,8 triệu USD (chiếm 6,8%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 169 dự án, vốn đầu tư 60,2 triệu USD (chiếm 6,6%); vận tải kho bãi 48 dự án, vốn đầu tư 27,4 triệu USD; dịch vụ lưu trú ăn uống 26 dự án, vốn đầu tư 26,9 triệu USD; xây dựng 32 dự án, vốn đầu tư 24,9 triệu USD...

Chia theo đối tác đầu tư: có 47 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư; trong đó, Cayman Islands 5 dự án, vốn đầu tư 270,5 triệu USD (chiếm 29,6%); Nhật Bản 134 dự án, vốn đầu tư 190,2 triệu USD (chiếm 20,8%); Singapore 130 dự án, vốn đầu tư 110,9 triệu USD (chiếm 12,1%); British Virgin Islands 16 dự án, vốn đầu tư 78,3 triệu USD (chiếm 8,6%); Hàn Quốc 152 dự án, vốn đầu tư 71,2 triệu USD; Đài Loan 24 dự án, vốn đầu tư 41,7 triệu USD; Malaysia 25 dự án, vốn đầu tư 38 triệu USD; Trung Quốc 35 dự án, vốn đầu tư 10,5 triệu USD; Hồng Kông 56 dự án, vốn đầu tư 21,9 triệu USD...

Giải thể, chuyển đi tỉnh thành khác và rút phép trước hạn có 85 dự án, vốn đăng ký 89,4 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động đến ngày 15/12 trên địa bàn thành phố 6.600 dự án, với tổng vốn đăng ký đạt 40,6 tỷ USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)

Từ đầu năm đến ngày 15/12, đã có 35.327 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đăng ký đạt 292.581 tỷ đồng, tăng 49,9%; vốn bình quân 1 doanh nghiệp đạt 8,3 tỷ đồng, tăng 31,3% so với cùng kỳ.

²Dự án công ty TNHH Liên doanh Thành phố Đế Vương: 1,2 tỷ USD (Năm 2015).

Chia theo loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần 3.980 doanh nghiệp, vốn đăng ký 135.773 tỷ đồng, tăng gấp đôi cùng kỳ; công ty TNHH 30.721 doanh nghiệp, vốn đăng ký 156.397 tỷ đồng, tăng 26,2%; 619 doanh nghiệp tư nhân, vốn đăng ký 401 tỷ đồng, giảm 6,6%.

Chia theo khu vực kinh tế: khu vực nông, lâm và thủy sản 184 doanh nghiệp, giảm 2,1%; vốn đăng ký 1.695 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Khu vực công nghiệp và xây dựng 7.646 doanh nghiệp, tăng 10,2%; vốn đăng ký 61.920 tỷ đồng, tăng 4,6%. Khu vực dịch vụ 27.497 doanh nghiệp, tăng 15,5%; vốn đăng ký đạt 228.966 tỷ đồng, tăng 70,4% (trong đó kinh doanh bất động sản vẫn giữ vị trí dẫn đầu với 1.516 doanh nghiệp, tăng 84,2%; vốn đăng ký 119.228 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước).

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo số liệu báo cáo từ cơ quan Thuế, trong 11 tháng có 25.777 doanh nghiệp ngừng, nghỉ kinh doanh, bằng 61,1% doanh nghiệp tăng trong kỳ. Trong đó, 91 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; 21.147 công ty TNHH; 2.887 công ty cổ phần; 1.599 doanh nghiệp tư nhân. So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp ngừng hoạt động tăng 12,9%.

V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Thành phố vẫn đang tiếp tục việc tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, gắn liền với việc ứng dụng khoa học công nghệ cao và được quy hoạch hợp lý. Trong năm 2016, cơ quan quản lý ngành nông nghiệp đã có sự phối hợp với bà con nông dân để khắc phục những khó khăn về thời tiết bất thường, diện tích canh tác giảm, kiểm soát chặt chẽ tình hình sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi... Chính vì thế, kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đạt được mức tăng trưởng khá so với năm trước.

Tổng giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2016 ước đạt 19.685,5 tỷ đồng (giá hiện hành); tính theo giá so sánh 2010 tăng 5,8% so với cùng kỳ. Trong đó, nông nghiệp chiếm 71,8%, tăng 5,3%; lâm nghiệp chiếm 0,9%, giảm 3,7%; thủy sản chiếm 27,3%, tăng 7,7%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 2016

	Giá hiện hành		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)	Tỷ đồng	% so sánh với năm 2015
Tổng số	19.685,5	100,0	12.880,7	105,8
Nông nghiệp	14.142,2	71,8	9.788,4	105,3
Trồng trọt	4.838,0	24,5	3.646,1	103,9
Chăn nuôi	7.847,2	39,9	5.129,1	104,5
Dịch vụ	1.457,0	7,4	1.013,1	116,0
Lâm nghiệp	170,1	0,9	92,2	96,3
Thủy sản	5.373,2	27,3	3.000,1	107,7

1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 14.142,2 (giá hiện hành), tính theo giá so sánh 2010 tăng 5,3% so với năm trước. Trong đó, trồng trọt 4.838,0 tỷ đồng, tăng 3,9%; chăn nuôi 7.847,2 tỷ đồng, tăng 4,5%.

1.1 Trồng trọt:

Dự ước kết quả sản xuất một số cây hàng năm chủ yếu

	Thực hiện năm 2016			% so sánh năm 2016 với năm 2015		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	42.325			97,0		
Lúa	19.471	43,8	85.187	95,5	101,0	96,4
Bắp	480	37,0	1.776	51,1	107,3	54,9
Rau các loại	7.962	279,3	222.401	89,1	101,8	90,7
Đậu phộng	211	31,8	670	103,1	105,4	108,7
Mía	2.174	688,3	149.619	103,7	96,3	99,8

Diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm ước đạt 42.325 ha, giảm 3% so năm trước. Trong đó, diện tích lúa 19.471 ha, giảm 4,5%; sản lượng ước đạt 85.187 tấn, giảm 3,6%. Rau các loại 7.962 ha, giảm 10,9%; diện tích bắp giảm 48,9%; đậu phộng tăng 3,1%; mía hiện có tăng 3,7%. Hoa, cây cảnh 1.251,1 ha, tăng 1,7%; trong đó diện tích hoa lan chiếm 45,6%, tăng 2,4%. Năng suất các loại cây trồng nhìn chung đều tăng so với năm trước.

Tiến độ gieo trồng vụ đông xuân 2016 – 2017: lúa đã xuống giống 911 ha; rau các loại 2.431 ha.

Tình hình sinh vật gây hại: công tác khuyến nông được thực hiện chặt chẽ, tăng cường các biện pháp phòng trừ, thường xuyên theo dõi và xử lý kịp thời các trường hợp sinh vật gây hại cho cây trồng. Nhờ đó, tình hình sâu bệnh xảy ra không đáng kể.

1.2. Chăn nuôi:

Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/10/2016: đàn trâu 4.995 con, giảm 8,7% so với thời điểm năm trước. Đàn bò 127,6 ngàn con, giảm 2,2%; trong đó, bò sữa 90,1 ngàn con (bò cái sữa 53,2 ngàn con), chiếm 70,6% tổng đàn, giảm 13% so với thời điểm năm trước, chủ yếu do việc giảm đàn bò sữa có năng suất thấp. Sản lượng sữa tươi ước đạt 278,9 ngàn tấn, tăng 4% so cùng kỳ. Đàn heo 281,6 ngàn con, giảm 8,5% so với thời điểm năm trước.

Đàn gia cầm: đàn gà đạt 417,9 ngàn con (gà công nghiệp chiếm 88,7%), nuôi tập trung tại các hộ gia công cho công ty CP và trang trại gà An Phú.

Tình hình dịch bệnh trên gia súc gia cầm: tiếp tục đảm bảo, giữ vững không xảy ra dịch bệnh gia súc, gia cầm, góp phần duy trì và phát triển ngành chăn nuôi của thành phố.

2. Lâm nghiệp

Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 170,1 tỷ đồng (giá hiện hành), tính theo giá so sánh 2010 giảm 3,7% so cùng kỳ; trong đó hoạt động khai thác chiếm 91,1%, giảm 3,2% so cùng kỳ do chưa tới kỳ khai thác.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp hiện nay 36.881 ha. Trong đó, đất có rừng 34.550 ha, đạt tỉ lệ che phủ 16,5%; tỉ lệ che phủ rừng và cây xanh đạt 40,1%.

Từ đầu năm đến nay đã tổ chức 1.082 lượt tuần tra bảo vệ rừng; trong đó phối hợp chủ rừng thực hiện 324 lượt tuần tra, phối hợp với các xã và lực lượng giáp ranh 124 lượt tuần tra truy quét bảo vệ rừng. Kiểm tra ngăn chặn săn bắt, vận chuyển mua bán động vật rừng 158 lượt.

3.Thủy sản

Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 5.373,2 tỷ đồng (giá hiện hành), tính theo giá so sánh 2010 tăng 7,7% so với năm trước. Trong đó, nuôi trồng chiếm 73,1%, tăng 8,2%; khai thác giảm 7,1%; dịch vụ tăng 68,7%.

Sản lượng thủy sản ước đạt 57.412,7 tấn, tăng 3,3% so với năm trước. Trong đó, nuôi trồng 37.485 tỷ đồng, tăng 10,6% (sản lượng tôm chiếm 37,3%, tăng 8,8%; thủy sản khác chiếm 47,4%, tăng 35,6%); sản lượng khai thác ước đạt 19.927,8 tấn, giảm 8,1%.

Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ: tính đến ngày 4/12, có 543 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 147 triệu con trên diện tích 2.335,8 ha. Tôm thẻ chân trắng 2.890 lượt hộ thả nuôi với 1.190,8 triệu con giống trên diện tích 2.899,3 ha.

Dịch bệnh trên tôm: Tính từ đầu năm, có 168 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 103,6 ha làm thiệt hại 38,78 triệu con giống. Có 63 hộ với 36,35 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

4. Chương trình chuyển dịch cơ cấu

Chương trình phát triển giống cây, giống con chất lượng cao: từ khi thực hiện chương trình đến nay đã bình tuyển, lập lý lịch 91,8 ngàn con bò sữa, trong đó có 85% bò sữa bình tuyển đạt tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngoài ra, tiếp tục chuyển giao kết quả đánh giá tiến bộ di truyền giống heo theo phương pháp BLUP khoảng 134,1 ngàn lượt con.

Chương trình phát triển hoa - cây kiểng: có 222 hộ nông dân đã tham gia triển khai 41/48 mô hình như: Lan giống Mokara và Dendrobium, hoa Cát Tường, Mai ghép... Suu tập 124 giống kiểng lá, 77 giống hoa nền, 360 giống lan các loại (136 mẫu giống lan rừng) và đã nhân giống hơn 250 ngàn cây các loại.

Chương trình phát triển rau an toàn:

Chứng nhận VietGAP: Từ đầu năm đến nay, đã chứng nhận 57 tổ chức, cá nhân sản xuất rau với tổng diện tích canh tác 52,7 ha. Lũy kế còn hiệu lực đến nay 360 tổ chức, cá nhân, tương đương 308,9 ha diện tích canh tác.

Triển khai xây dựng bản đồ số hóa vùng rau và duy trì thực hiện truy xuất nguồn gốc tại Hợp tác xã Phú Lộc và Phước An.

Chương trình phát triển bò sữa:

Khảo sát, theo dõi khả năng sinh sản, phối giống, năng suất sữa bò 31.963 lượt con, kết quả về số lượng và chất lượng của đàn bò ngày càng được cải thiện.

Chương trình nhập nội, cải thiện chất lượng bò sữa: lũy kế đến nay đã cấp 5.730 liều tinh cho công ty và các hộ trại chăn nuôi trên địa bàn.

Chương trình phát triển cá sấu: có 42 tổ chức và cá nhân gây nuôi với tổng đàn 143,6 ngàn con; trong đó 108 ngàn con thương phẩm.

VI. NỘI THƯƠNG

Năm 2016, hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch trên địa bàn thành phố tiếp tục phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng khá. Mạng lưới phân phối hàng hóa được tăng cường và mở rộng về số lượng và đa dạng về ngành nghề kinh doanh. Xu hướng hiện đại hóa bán lẻ thể hiện qua phát triển các hệ thống các siêu thị, cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi (VinMart, Family Mart, K Circle, MiniStop, Bis Mart...), hệ thống kinh doanh online (Lazada, vatgia.com, 5s.vn, muare.vn, Hotdeal, muaban.net)... giúp người tiêu dùng có nhiều lựa chọn trong việc mua sắm hàng hóa.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 12 ước đạt 66.039,7 tỷ đồng, tăng 9,2% so với tháng trước. Ước tính cả năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 682.703 tỷ đồng, tăng 9,1% so cùng kỳ năm 2015.

Nhìn chung, sức mua của dân cư thành phố tăng nhẹ ở một số ngành như lương thực – thực phẩm, hàng may mặc, vật phẩm văn hóa giáo dục, phương tiện xe máy... do giá cả ổn định, hàng hóa dồi dào, nhu cầu người dùng đã bão hòa và có xu hướng chuyển đổi sang mặt hàng khác. Các ngành hàng có tốc độ tăng cao tập trung vào các sản phẩm nâng cao chất lượng sống và nhu cầu đi lại như phương tiện ô tô, đồ dùng dụng cụ gia đình, gỗ - vật liệu xây dựng, xăng dầu. Các yếu tố vượt trội của thị trường bán lẻ thành phố trước đây so các khu vực lân cận là tập trung nhiều trung tâm thương mại, siêu thị hiện đại, nhiều sản phẩm nổi tiếng; nay đã dần thu hẹp do các vùng lân cận thành phố cũng đã phát triển tương tự.

Chia theo thành phần kinh tế:

- Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu trong tổng mức và vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá tốt. Trong đó chủ yếu là khối doanh nghiệp tư nhân, chiếm trên 50% trong tổng mức của khu vực này, là thành phần kinh tế năng động tuy nhiên đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn yếu, trình độ quản lý không cao nên khó cạnh tranh đối với các tập đoàn bán lẻ có kinh nghiệm, kinh doanh bài bản trong dài hạn.

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng mở rộng thị trường và đạt tốc độ tăng cao. Trong năm, nhiều tập đoàn bán lẻ quốc tế đã đầu tư và mở rộng hệ thống kinh doanh tại thành phố như Aeon - Nhật Bản; Emart - Hàn Quốc; Central Group - Thái Lan – với việc mua lại hệ thống siêu thị Big C và Metro, mua cổ phần của Nguyễn Kim... đưa thị phần khu vực này ngày càng tăng.

Tình hình cụ thể như sau:

- Kinh tế nhà nước 53.957,2 tỷ đồng, chiếm 7,9%, tăng 10,8%;
- Kinh tế ngoài nhà nước 557.759,2 tỷ đồng, chiếm 81,7%, tăng 7,9%;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 70.986,7 tỷ đồng, chiếm 10,4%, tăng 18,2%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 12 ước đạt 52.509,3 tỷ đồng, tăng 10,2% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 534.314,6 tỷ đồng, chiếm 78,3% trong tổng mức, tăng 10,2%.

Trong đó lương thực thực phẩm chiếm 17,5%; tăng 2,33%; May mặc chiếm 6,9%, tăng 5,55%; Đồ dùng, trang thiết bị gia đình chiếm 19,5%, tăng 12,81%; Phương tiện đi lại chiếm 6,7%, tăng 4,42% (trong đó ô tô các loại chiếm 2,1%, tăng 11,05%); Xăng dầu chiếm 8,3%, tăng 17,24%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 33,8%, tăng 12,97%.

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính tháng 12 đạt 7.219,2 tỷ đồng, tăng 4,7% so tháng trước. Cả năm ước đạt 81.950,8 tỷ đồng, chiếm 12% trong tổng mức, tăng 5,16%. Trong đó: doanh thu khách sạn tăng 5,52%. Doanh thu nhà hàng tăng 5,12%.

c. Du lịch: tháng 12 ước đạt 2.005,2 tỷ đồng, tăng 6,6% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 19.840,9 tỷ đồng, chiếm 2,9% trong tổng mức, tăng 4,9%.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: tháng 12 ước đạt 4.221,4 tỷ đồng, tăng 4,3% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 46.596,7 tỷ đồng, chiếm 6,8% trong tổng mức, tăng 5,9%.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 12 đạt 3.219,7 triệu USD, tăng 13% so tháng trước. **Ước tính 12 tháng năm 2016 đạt 31.799,8 triệu USD, tăng 5,2% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu cả năm ước đạt 29.232,5 triệu USD, tăng 10%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 12 đạt 2.698,2 triệu USD, tăng 3,4% so tháng trước. Ước tính 12 tháng đạt 29.331,2 triệu USD, tăng 7,9% so cùng kỳ. **Loại trừ dầu thô ước đạt 26.763,9 triệu USD, tăng 13,8%.** Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn một nửa trong tổng kim ngạch và có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực. Cụ thể:

- + Nhà nước chiếm tỷ trọng 12,3%, giảm 29,8% (giảm 1.530 triệu USD).
- + Có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 53,6%, tăng 21,9% (tăng 2.825 triệu USD).
- + Ngoài nhà nước chiếm 34,1%, tăng 9,5% (tăng 864,4 triệu USD).

Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Mỹ với 5.388,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,4%; Trung Quốc chiếm vị trí thứ 2 với 5.388,5 triệu USD, chiếm 18,4%; kế đến là Nhật Bản 2.840,3 triệu USD, chiếm 9,7%, Hàn Quốc 1.439,8 triệu USD, chiếm 4,9%, Hồng Kông 1.391,2 triệu USD, chiếm 4,7%.

Cụ thể ước tính kim ngạch xuất khẩu cả năm của một số mặt hàng vào các thị trường chính như sau:

+ Mỹ là thị trường xuất khẩu số một với 5.388,7 triệu USD, tăng 7,7% so cùng kỳ, trong đó: rau quả tăng 44,8%, điện thoại và linh kiện tăng 2,2 lần, hàng hóa khác tăng 80,7%, dệt may tăng 1,3%, giày dép tăng 2,4%, thủy sản tăng 1,4%.

+ Thị trường thứ 2 là Trung Quốc: xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc ước 12 tháng đạt 5.388,5 triệu USD, tăng 38,7% so cùng kỳ, trong đó: hàng thủy sản tăng gấp 2,7 lần, giày dép tăng 30,3%, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 52,9%, hàng dệt may giảm 2,2%, sợi dệt giảm 14,5%, hàng rau quả giảm 14,6%...

+ Nhật Bản: kim ngạch xuất khẩu đạt 2.840,2 triệu USD, giảm 6,7%, trong đó: thủy sản tăng 16,6%, dệt may (+7,2%), sản phẩm điện tử (+24,6%)..

+ Hàn Quốc: xuất khẩu đạt 1.439,8 triệu USD, tăng 26% so cùng kỳ, trong đó: thủy sản giảm 3,2%, dệt may (+15,1%), sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 2,2 lần, cà phê tăng gấp 2,1 lần.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 4.951,7 triệu USD, tăng 2,9% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 18,5%. Trong đó:

+ Gạo: xuất khẩu 684,8 ngàn tấn, giảm 48,1% về lượng; về trị giá đạt 779,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,9%, giảm 32,8% so cùng kỳ.

+ Cà phê xuất khẩu đạt 816,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,1%, tăng 47,6%. Đây là mặt hàng có mức tăng mạnh trong năm nay và lần đầu tiên có kim ngạch xuất khẩu vượt cả gạo.

+ Hàng thủy hải sản đạt 723,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,7%, tăng 7% so cùng kỳ

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 19.835,4 triệu USD, tăng 16,9%, chiếm tỷ trọng 74,1%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: ước xuất đạt 6.688,4 triệu USD, tăng 48,1% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 25%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,4%; khu vực trong nước chiếm 0,6%.

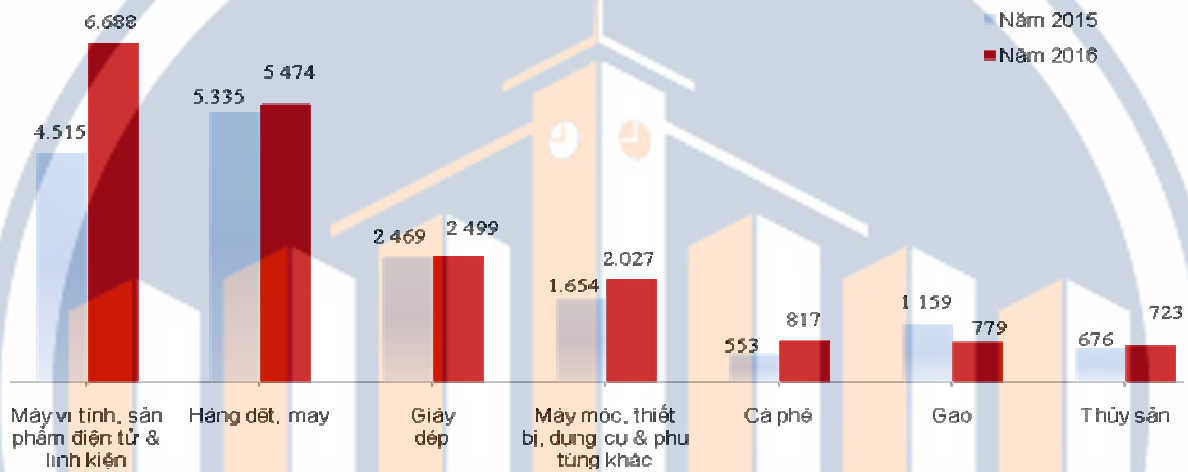
+ Hàng may mặc ước đạt 5.473,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,5% tăng 2,6% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 43,4%; khu vực trong nước chiếm 56,6%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ (45,4%), Nhật (16,3%), Hàn Quốc (7%).

+ Hàng giày dép ước xuất 2.499 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,3%, tăng 1,3% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 82,7%; khu vực trong nước chiếm 17,3%. Thị trường chủ yếu là Mỹ (chiếm 27,5%), Đức (chiếm 11,5%), Nhật (chiếm 6,3%), Anh (chiếm 5,3%) và Trung Quốc chiếm 6,8%.

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 1.976,7 triệu USD, tăng 14,4%, chiếm tỷ trọng 7,4%

- **Riêng dầu thô:** về lượng ước xuất đạt 7.690,9 ngàn tấn, giảm 14,6%; về trị giá đạt 2.567,3 triệu USD, giảm 29,9%, do giá bình quân giảm 17,9% so cùng kỳ. Kim ngạch dầu thô chiếm 8,75% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Đồ thị kim ngạch xuất khẩu 7 nhóm mặt hàng lớn nhất (Triệu USD)



2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 12 đạt 3.692 triệu USD, tăng 0,5% so tháng trước. **Ước thực hiện cả năm đạt 37.856,9 triệu USD, tăng 12,4% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 12 ước đạt 3.243,1 triệu USD, giảm 2,2% so tháng trước. Ước tính 12 tháng đạt **32.901,5 triệu USD, tăng 13,1%** (+3.815,5 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.635,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5%, tăng 4,5%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.831 triệu USD, chiếm 42%, tăng 22,5%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 17.434,7 triệu USD, chiếm 52,7%, tăng 7,4%.

Thị trường nhập khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Trung Quốc với 7.800,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 23,7%; Singapore đứng vị trí thứ 2 với 2.888,4 triệu USD, chiếm 8,8%, kế đến là Hàn Quốc 2.696,9 triệu USD, chiếm 8,2%; tiếp theo là Mỹ 2.665,4 triệu USD, chiếm 8,1%, Thái Lan 6,2%, Nhật Bản 6,1%,..

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong năm 2016:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

- Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 7.005,8 triệu USD, chiếm 21,29%, tăng 48,1% so cùng kỳ. Thị trường nhập khẩu chủ yếu từ Mỹ, Trung Quốc, Israel.

- Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác ước đạt 4.331,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 13,2%, tăng 11,6% so cùng kỳ. Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản.

- Vải các loại ước đạt 2.327,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7%, giảm 2,5%. Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật.

- Chất dẻo nguyên liệu 1.741,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,3%, tăng 14,8%.

- Sắt thép các loại 1.517,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,6%, tăng 7,5%. Thị trường chính là Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan

- Dược phẩm 1.271,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,9%, tăng 4,3%. Nhập khẩu chủ yếu từ Singapore, Pháp, Ấn Độ, Anh, Đức, Bỉ.

VIII. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 12 ước đạt 8.191,2 tỷ đồng, tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 17,3% so với tháng 12 năm 2015.

Ước tính cả năm đạt 86.008,7 tỷ đồng, tăng 20,4% so với năm trước. Vận tải hàng hóa chiếm 71%, tăng 20,2% so năm trước; vận tải hành khách chiếm 29%, tăng 21%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách năm 2016

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 2016 so 2015	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	61.048,2	24.960,5	120,2	121,0
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.426,3	361,3	91,2	89,7
Kinh tế ngoài nhà nước	56.297,5	20.477,5	123,3	122,6
Kinh tế có vốn nước ngoài	324,4	4.121,7	122,6	117,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	36.569,5	20.636,0	124,2	121,2
Đường sông	6.516,3	507,8	123,9	118,1
Đường biển	17.851,2		111,7	
Hàng không	111,3	3.816,7	104,3	120,4

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 12 ước đạt 6.184,7 tỷ đồng, tăng 4,7% so tháng trước. Ước tính cả năm 2016 đạt 61.048,2 tỷ đồng, tăng 20,2% so năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 7,25%, giảm 8,8%. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,22%, tăng 23,3%.

Vận tải đường bộ chiếm 59,9%, tăng 24,2%. Vận tải đường biển chiếm 29,24%, tăng 11,7%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 12 ước đạt 2.006,4 tỷ đồng, tăng 4,3% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 24.960,5 tỷ đồng, tăng 21% so năm trước. Kinh tế nhà nước chiếm 1,45%, giảm 10,3%. Ngoài nhà nước chiếm 82,04%, tăng 22,6%, kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 16,51%, tăng 17,4%.

Vận tải đường bộ chiếm 82,67%, tăng 21,2%, đường hàng không chiếm 15,29%, tăng 20,4%.

IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 12 tháng ước thực hiện 307.336 tỷ đồng, đạt 103,03% dự toán, tăng 12,43% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 190.778 tỷ đồng, đạt 107,42% dự toán, tăng 21,92% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 14.059 tỷ đồng, đạt 77,24% dự toán, giảm 38,83% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 102.500 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán, tăng 9,16% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng thu cân đối ngân sách NN	298.300	307.336	103,03	112,43
I- Thu nội địa	177.600	190.778	107,42	121,92
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	32.820	34.414	104,86	118,35
2. Khu vực ngoài nhà nước	39.000	44.025	112,88	128,15
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	48.700	47.976	98,51	115,11
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	102.500	102.500	100,00	109,16
III- Thu từ dầu thô	18.200	14.059	77,24	61,17

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 18,04% tổng thu nội địa, tăng 18,35% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 20.253 tỷ đồng, đạt 100,41% dự toán, tăng 10,78% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 14.161 tỷ đồng, đạt 111,94% dự toán, tăng 31,16% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 44.025 tỷ đồng, tăng 28,15% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 47.976 tỷ đồng, tăng 15,11% so cùng kỳ. Thu khác 64.363 tỷ đồng, đạt 112,76% dự toán; trong đó thuế thu nhập cá nhân 23.638 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 15.442 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 12 tháng ước đạt 73.227 tỷ đồng, đạt 114,77% dự toán, tăng 14,43% so cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 12 tháng ước thực hiện 59.407 tỷ đồng, đạt 93,11% dự toán, tăng 14,50% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng chi (trừ tạm ứng)	63.801	59.407	93,11	114,50
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	26.547	26.065	98,19	108,71
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.973	3.943	99,24	61,49
II- Chi thường xuyên	34.630	31.507	90,98	120,44
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.901	4.580	93,45	147,47
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	9.185	9.088	98,94	121,12
Sự nghiệp y tế	2.672	2.672	100,00	89,71
Quản lý hành chính	5.133	5.219	101,66	114,38

Chi đầu tư phát triển 26.065 tỷ đồng, đạt 98,19% dự toán, tăng 8,71% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 31.507 tỷ đồng, đạt 90,98% dự toán, tăng 20,44% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 4.580 tỷ đồng, đạt 93,45% dự toán, tăng 47,47%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 9.088 tỷ đồng, đạt 98,94% dự toán, tăng 21,12%; chi sự nghiệp y tế 2.672 tỷ đồng, đạt 100,00% dự toán, giảm 10,29%; chi quản lý hành chính 5.219 tỷ đồng, đạt 101,66% dự toán.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn Thành phố duy trì tốc độ tăng trưởng khá so với các năm trước đảm bảo nguồn vốn và tạo điều kiện cho các Tổ chức tín dụng thực hiện mở rộng và tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch. Đến đầu tháng 12 đạt 1.773,52 ngàn tỷ đồng, tăng 1,98% so tháng trước (chỉ số này của tháng trước: -0,36%) và tăng 16,94% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 53,71% tổng vốn huy động, tăng 15,76% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,14%, giảm 7,32% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu và ngày càng lớn trong tổng nguồn vốn ở mức 87,86%, tăng 21,33% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 53,23% tổng vốn huy động, tăng 14,53% so với tháng cùng kỳ. Đây là bộ phận tiền gửi chiếm tỷ trọng cao và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất và tương đối ổn định cho thấy niềm tin vào hệ thống ngân hàng cùng với dịch vụ ngân hàng tiện ích là nguyên nhân chính thu hút bộ phận tiền gửi này.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.440,83 ngàn tỷ đồng, tăng 2,16% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +0,81%); so với tháng 12/2015 tăng 16,65%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 791,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 54,93% tổng dư nợ, tăng 19,22% so tháng cùng kỳ. Dư nợ bằng ngoại tệ đạt 141,07 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,79% tổng dư nợ, tăng 1,12% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.299,76 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,21% tổng dư nợ, tăng 23,71% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 11 năm 2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 319 gồm 318 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, tăng 5 mã cổ phiếu so với cuối tháng 10 (ngày 16/11 mã cổ phiếu PC1 của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I giao dịch ngày đầu tiên; ngày 18/11 mã cổ phiếu SCR của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín giao dịch ngày đầu tiên; ngày 25/11 mã cổ phiếu AAA của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát giao dịch ngày đầu tiên; ngày 30/11 mã cổ phiếu APG của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát và mã cổ phiếu SHA của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn giao dịch ngày đầu tiên).

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.366.394,72 tỷ đồng, tăng 19,10% so với cuối năm 2015. Trong tháng 11/2016 có 22 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. VN-Index trong tháng không có nhiều biến động và không có xu hướng rõ ràng. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 665,07 điểm, giảm 1,59% (tương ứng giảm 10,73 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 14,86% (tương ứng tăng 86,04 điểm) so với cuối năm 2015.

Khối lượng giao dịch của tháng 11/2016 đạt 2.596,65 triệu chứng khoán, giảm 3,73% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 50.315,33 tỷ đồng, giảm 1,54%

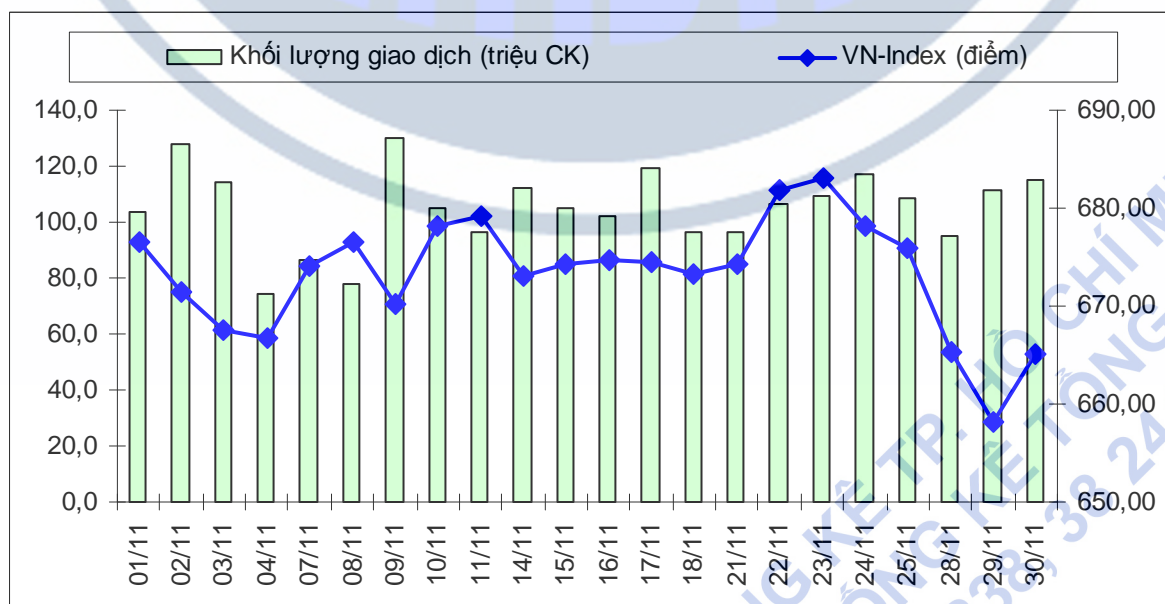
so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 118,03 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.287,06 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 8,10% và giá trị giao dịch giảm 6,01% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 11/2016, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 21/01 với 521,88 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 19/10 với 688,89 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2016	11 tháng năm 2016	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.596,65	29.539,34	96,27	115,12
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.582,37	29.400,27	96,06	114,95
Trái phiếu	7,21	83,38	219,15	181,77
Chứng chỉ quỹ & ETF	7,07	55,69	127,85	158,03
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.310,56	26.077,04	98,54	112,14
Giao dịch thỏa thuận	286,09	3.462,30	81,20	144,02
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	50.315,33	555.998,35	98,46	125,31
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	49.499,80	546.892,24	97,65	124,67
Trái phiếu	742,96	8.543,41	213,29	181,98
Chứng chỉ quỹ & ETF	72,57	562,70	123,36	167,85
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	44.355,02	458.211,65	107,23	120,39
Giao dịch thỏa thuận	5.960,31	97.786,70	61,21	155,00

Đồ thị VN-Index tháng 11/2016 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/12/2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 320. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.456.003,71 tỷ đồng, tăng 26,91% so với

cuối năm 2015; VN-Index đạt 665,92 điểm, tăng 86,89 điểm so với cuối năm 2015 (tương ứng tăng 15,01%).

X. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VIỆC LÀM VÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Dân số, lao động việc làm

Dân số: ước tính dân số trung bình trên địa bàn thành phố năm 2016 có 8.426,1 ngàn người, tăng 2,16% so với năm 2015.

Giải quyết việc làm: Trong năm, thành phố đã giải quyết việc làm 311.135 lượt người, đạt 115,24% so với kế hoạch, tăng 5,37% so với năm trước. Số việc làm mới tạo ra 130.109 chỗ, đạt 104,09% kế hoạch, tăng 5,12%. Tỷ lệ thất nghiệp từ kết quả thu thập thông tin cung lao động vào thời điểm tháng 8 là 4,4%.

Tổ chức 83 sàn giao dịch, phiên giao dịch việc làm, trong đó có 114.819 lượt người được giới thiệu và 55.466 lao động nhận được việc làm. Tư vấn, hướng nghiệp cho 326.000 lượt học sinh, sinh viên; cung cấp thông tin thị trường lao động cho 205.500 lượt người. Giải quyết việc làm cho người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài 14.048 lao động.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp: Từ ngày 2/1 đến ngày 30/11, có 114.271 lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 113.704 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, tăng 12,6%; 116.583 người được tư vấn, giới thiệu việc làm, tăng 42,4%; 15.504 người được hỗ trợ học nghề, tăng 5,1%.

2. Hoạt động văn hóa

* **Các hoạt động lễ hội:** thành phố đã tổ chức trọng thể vào những lễ lớn, các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động chính trị luôn gắn với tinh thần giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử của dân tộc. Qua đó hình ảnh của thành phố Hồ Chí Minh ngày càng phát triển sinh động và ấn tượng trong mắt du khách trong và ngoài nước.

* **Hoạt động văn hóa, cơ sở:** chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được nâng cao. Đã triển khai đến Ban chỉ đạo phong trào của 24 quận huyện, phối hợp với các ban ngành liên quan, kịp thời tổ chức thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương. Triển khai nội dung phong trào Văn hóa trong năm 2016 đến các cơ sở. Phối hợp Ngành Lao động – Thương binh và Xã hội khảo sát phường, xã, thị trấn thực hiện phong trào xây dựng phường, xã, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn ma túy mại dâm. Ban hành Công văn số 498/SVHTT-VHGD ngày 29/01/2016 về thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị trong dịp Tết Nguyên đán Bính Thân.

* **Hoạt động nghệ thuật:** thành phố đã hoàn thành tốt nhiều chương trình biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị. Các đơn vị nghệ thuật công lập đã thực hiện 1.754 suất diễn phục vụ 1.030.270 lượt người xem. Hoạt động sân khấu đã có sự chuyển mình và có những bước đột phá, đặc biệt trong dịp lễ, tết, các sân khấu kịch nói, hài kịch với việc đầu tư kỹ lưỡng, kịch bản hay, nội dung phong phú, đa dạng về chủ đề tư tưởng, diễn viên tốt, âm thanh ánh sáng và cảnh trí đẹp. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật có yếu tố nước ngoài được tổ chức với quy mô lớn, có chất lượng về mặt nghệ thuật và đẳng cấp quốc tế.

* **Hoạt động thư viện:** Thư viện Khoa học Tổng hợp đã tổ chức 22 đợt triển lãm sách, phục vụ lưu động 50 chuyên (thu hút 1.267.352 lượt bạn đọc (đạt 105% kế hoạch năm), phục vụ 4.881.973 lượt tài liệu đạt 128% kế hoạch. Tổ chức Lễ hội Đường Sách Tết Bính Thân năm 2016 tại đường Nguyễn Huệ - Ngô Đức Kế. Tham gia triển lãm Hội sách Thành phố lần thứ 9 năm 2016 với chủ đề: “Sách – Văn hóa – Hội nhập và Phát triển” tại công viên Lê Văn Tám...

* **Công tác bảo tàng:** trong năm, 7 bảo tàng phục vụ trên 3,2 triệu lượt khách (tương đương cùng kỳ năm 2015), trong đó khách nước ngoài là hơn 850 ngàn lượt khách (tương đương với cùng kỳ năm trước)

* **Công tác quản lý di sản văn hóa:** thành phố đã thực hiện tốt chức năng quản lý, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Về Đề án Bảo tồn và Phát huy giá trị Di sản văn hóa Phi vật thể Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ, Trung tâm Văn hóa Thành phố đã phối hợp Trung tâm Văn hóa quận, huyện tổ chức các lớp truyền dạy đờn ca tài tử cho đối tượng thiếu nhi trên địa bàn. Sở cũng đang phối hợp với Hội Dân tộc thành phố thực hiện dự án “Kiểm kê khoa học về phong tục, tập quán, lễ nghi của đồng bào Kinh, Hoa và các dân tộc khác”. Công tác quản lý các Hội trong khối di sản văn hóa luôn được Sở quan tâm, định hướng tổ chức hoạt động của các Hội.

3. Thể dục thể thao

Thể dục thể thao cộng đồng

Từ đầu năm đến nay, hoạt động thi đấu thể thao quần chúng được tổ chức qua các lễ hội với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Sở đã phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng thành phố niên học 2015-2016 với 27 môn thể thao thu hút gần 14.000 học sinh của 243 trường tiểu học, 254 trường Trung học cơ sở và 125 trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố tham dự. Để thi đấu tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: đã tổ chức tập huấn cho 115 HLV, 465 VĐV tham dự Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần IX cấp khu vực từ ngày 14 – 22/4 tại Bình Dương. Kết quả, Đoàn Thể thao học sinh thành phố tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc với 231 HCV, 141 HCB, 97 HCD, trong đó, tại cấp khu vực, Học sinh Thành phố Hồ Chí Minh đã đoạt 120 HCV, 58 HCB, 20 HCD dẫn đầu khu vực IV. Ngoài ra, phong trào thể thao người khuyết tật luôn được quan tâm, chăm sóc.

Thể thao thành tích cao:

Công tác tập huấn từ đầu năm đến nay có: 394 lượt HLV, 1.950 lượt VĐV, 6 lượt chuyên gia thuộc 37 môn thể thao tập huấn trong nước, cử 22 lượt HLV, 95 lượt VĐV, 1 chuyên gia thuộc 17 môn thể thao tập huấn nước ngoài chuẩn bị tham dự các giải toàn quốc, quốc tế.

Tổ chức 136 giải Thành phố, trong đó có 83 giải trong hệ thống (40 giải vô địch, 26 giải trẻ, 13 giải năng khiếu, 02 giải thanh thiếu niên, 02 giải hạng A); 16 giải phong trào, CLB, mở rộng; Đăng cai tổ chức 21 giải toàn quốc (11 giải vô địch, 7 giải trẻ, 1 giải cúp câu lạc bộ, 1 giải hạng nhất, 1 giải xuất sắc) và 16 giải quốc tế (1 giải thế giới, 2 giải châu Á, 4 giải Đông Nam Á, 9 giải quốc tế, mở rộng).

Tập huấn Quốc gia: có 44 lượt HLV, 194 lượt VĐV thuộc 30 môn thể thao được triệu tập vào đội dự tuyển quốc gia (cùng kỳ năm 2015 có 36 HLV, 205 VĐV thuộc 36 môn thể thao) và 27 HLV, 96 VĐV thuộc 16 môn vào đội trẻ quốc gia (cùng kỳ có 12 HLV, 54 VĐV thuộc 10 môn thể thao).

Về thành tích thi đấu: đã đạt được 521 HCV, 376 HCB, 446 HCD; trong đó, giải Vô địch quốc gia: đạt 234 HCV, 174 HCB, 187 HCD; nhất toàn đoàn 19 môn; Nhì toàn đoàn 10 môn và Giải Trẻ quốc gia: đạt 253 HCV, 201 HCB, 218 HCD; nhất toàn đoàn 17 môn; nhì toàn đoàn 3 môn.

Về thi đấu Giải quốc tế: cử 152 HLV, 678 VĐV, 04 chuyên gia và 27 trọng tài thuộc 41 môn tham dự đạt 100 HCV, 65 HCB, 41 HCD.

Về chuyên gia nước ngoài: Mời 7 chuyên gia nước ngoài huấn luyện các đội trẻ, đội tuyển các môn thể thao gồm: Bơi, Bóng rổ, Karatedo, Aerobic, Quần vợt. Phối hợp Tổng cục Thể dục thể thao mời chuyên gia huấn luyện đội tuyển Kiếm.

4. Y tế

Công tác phòng chống dịch bệnh

Bệnh Tay Chân Miệng: Số ca nghi ngờ TCM nhập viện từ 1/1/2016 – 15/10/2016 là 4.334 ca, giảm 30,4% so cùng kỳ năm 2015 (- 6.229 ca), không có trường hợp tử vong.

Bệnh Sốt xuất huyết: Số ca SXH nhập viện từ 01/01/2016 – 15/10/2016 có 14.260 ca, tăng 21,1% so cùng kỳ năm 2015 (+11.771 ca), tử vong 03 ca.

Viêm não mô cầu: ghi nhận 01 trường hợp tử vong.

Liên cầu lợn: tính đến tháng 8 năm 2016 có 11 ca nhiễm (cùng kỳ năm 2015 là 3 ca).

Tình hình bệnh do virus Zika: Tính đến 20/10/2016 thành phố có 05 ca nhiễm virus Zika, sau khi phát hiện các ca bệnh đã tiến hành phun hóa chất diệt muỗi trong bán kính 200m từ nhà và nơi làm việc của bệnh nhân, truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân, tăng cường giám sát phát hiện ca sốt phát ban tại khu vực sinh sống và nơi làm việc của người bệnh nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

Các bệnh truyền nhiễm khác: trong khả năng kiểm soát và không xuất hiện ổ dịch.

Vệ sinh an toàn thực phẩm:

Tính đến tháng 10/2016 đã xảy ra 06 vụ ngộ độc thực phẩm, tổng số người mắc: 512 người, không có người tử vong. Tỷ lệ ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận là 5,12 người/100.000 dân so với Chương trình Mục tiêu Quốc gia đến năm 2020 là dưới 7 người/100.000 dân.

Đối với các cơ sở để xảy ra ngộ độc thực phẩm, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý nghiêm và công bố thông tin về kết quả điều tra các vụ ngộ độc thực phẩm trên website của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và phương tiện truyền

thông đại chúng. Công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên liên tục đã kịp thời ngăn chặn các sản phẩm không an toàn đến tay người tiêu dùng.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị

Thành phố tiếp tục tập trung vào các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh nhằm cung ứng dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả và mang lại sự hài lòng cao nhất cho người bệnh, người dân như: vận hành “Kho dữ liệu phác đồ điều trị”; tổ chức thường xuyên Hội nghị giao ban Cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh tại các bệnh viện; triển khai mô hình trạm cấp cứu vệ tinh 115 (14 trạm); ...

Số liệu về khám chữa bệnh ước thực hiện năm 2016, Ngành Y tế Thành phố khám và điều trị cho khoảng 30 triệu lượt bệnh nhân. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ước 1,7 triệu lượt bệnh.

5. Giáo dục

Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2015-2016:

+ Cấp tiểu học: số học sinh lớp 5 là 103.438 học sinh, trong đó nữ chiếm 48,3%. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình 103.430 học sinh, đạt 99,99%; trong đó nữ đạt 100%.

+ Cấp trung học cơ sở: số học sinh tốt nghiệp là 78.409 học sinh, đạt 99,68% so với số lượng ban đầu; trong đó nữ là 38.305 học sinh, đạt 99,51%.

+ Cấp trung học phổ thông: Trong năm có 54.563 học sinh dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia, kết hợp xét tuyển đại học; trong đó hệ phổ thông chiếm 92,2%. Kết quả học sinh đạt tốt nghiệp 50.388 học sinh, chiếm 92,4% so với số lượng ban đầu; trong đó, hệ phổ thông 47.939 học sinh (chiếm 95,3%) và hệ bổ túc văn hóa 2.449 học sinh (chiếm 57,2%).

Tình hình tuyển sinh đầu cấp năm học 2016-2017:

+ **Mầm non:** số lượng trường mẫu giáo, mầm non là 1.100 trường, tăng 9,34%; 14.492 phòng học, tăng 7,8%. Số lượng giáo viên hiện có 22.886 người, tăng 9,63%; số lượng học sinh 366.288 người, tăng 9,27% so với năm học trước.

+ **Phổ thông:** số lượng trường phổ thông 950 trường, tăng 0,6%. Số phòng học là 27.175 phòng (1.242 phòng học mới), tăng 3,33%. Số lớp học 29.526, tăng 2,44%; số giáo viên 50.084 người, tăng 1,18%; số học sinh 1.183.792 người, tăng 1,75% so với năm học trước.

6. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2015 đến 16/11/2016)

Vi phạm kinh tế và môi trường:

+ Lĩnh vực kinh tế: phát hiện, xử lý 1.790 vụ, 1.500 đối tượng vi phạm, trị giá hàng hóa tang vật trên 106 tỷ đồng. Khởi tố 353 vụ, 269 bị can (án tham nhũng 22 vụ với 78 bị can), xử phạt hành chính nộp ngân sách Nhà nước khoảng 18,7 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực môi trường: phát hiện 772 vụ vi phạm (an toàn thực phẩm 452 vụ), xử phạt hành chính 495 vụ, nộp ngân sách Nhà nước trên 23 tỷ đồng.

Phạm pháp hình sự: xảy ra 5.205 vụ phạm pháp hình sự, giảm 13,31% so với năm trước, làm chết 104 người, bị thương 649 người, thiệt hại tài sản khoảng 65 tỷ đồng. Trong đó, các loại án xâm phạm tài sản (cướp, cướp giết và trộm cắp) đều giảm: 165 vụ cướp tài sản (-71 vụ); 888 vụ cướp giết tài sản (-115 vụ); 2.859 vụ trộm cắp tài sản (-557 vụ), nguyên nhân giảm là do việc tăng cường, huy động công tác tuần tra và củng cố công tác điều tra, quản lý đối tượng.

Điều tra khám phá 3.683 vụ phạm pháp hình sự (đạt 70,75%), cao hơn 4% so với năm trước, bắt 3.578 tên, triệt phá 2.394 băng nhóm, bắt 9.784 tên tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội.

Phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** đã điều tra, khám phá 1.579 vụ, bắt 3.257 tên, thu giữ 9,947 kg Heroin; 109,192 kg ma túy tổng hợp; 5,06 kg Cocain; 2,254 kg Cần sa... Khởi tố 1.195 vụ với 1.625 bị can, xử phạt hành chính 384 vụ với 1.632 đối tượng.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** triệt phá 69 ổ mại dâm, xử lý 282 đối tượng.

+ **Cờ bạc, cá độ:** phát hiện và xử lý 376 vụ cờ bạc, xử phạt hành chính 1.584 đối tượng, thu giữ trên 2,2 tỷ đồng và nhiều công cụ, phương tiện phạm tội khác.

Trật tự an toàn giao thông:

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** đã xảy ra 3.903 vụ tai nạn, tăng 4,41% so với năm trước, làm chết 798 người, bị thương 3.236 người. Phát hiện xử lý 276.545 trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, phạt 180.301 trường hợp, chuyển Kho bạc Nhà nước 134,56 tỷ đồng; tước giấy phép lái xe 63.990 trường hợp; tạm giữ 37.155 xe vi phạm các loại.

+ **Tai nạn đường sắt:** xảy ra 06 vụ, giảm 33% (-03 vụ), làm chết 06 người, không có người bị thương.

+ **Tai nạn giao thông đường thủy:** xảy ra 26 vụ, tăng 66,66%, không gây thiệt hại về người.

Tình hình cháy, nổ (từ ngày 16/12/2015 đến 15/12/2016):

- **Tình hình cháy:** xảy ra 411 vụ cháy, giảm 24,86%, làm chết 16 người, bị thương 33 người, thiệt hại về tài sản khoảng 245,8 tỷ đồng (trong đó có 22 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân do sự cố các hệ thống, thiết bị sử dụng điện. Xảy ra 14 vụ tự đốt cháy, làm chết 01 người, bị thương 12 người; thiệt hại tài sản ước tính thành tiền khoảng 8 triệu đồng.

- **Tình hình nổ:** Trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào (cùng kỳ năm trước xảy ra 05 vụ).

7. Công tác giảm nghèo

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Thành phố thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững theo hướng chuyển đổi phương pháp tiếp cận nghèo từ đơn chiều sang đa chiều. Đến tháng 6/2016, theo kết quả khảo sát và công nhận hộ nghèo thành phố có

64.985 hộ, chiếm tỷ lệ 3,3% tổng hộ dân thành phố, được phân ra làm 3 nhóm hộ theo thứ tự ưu tiên:

+ Hộ nghèo Nhóm 1 (hộ có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt các chiều từ 40 điểm trở lên): 8.377 hộ, tỷ lệ 0,4%.

+ Hộ nghèo Nhóm 2 (hộ có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt các chiều dưới 40 điểm): 48.972 hộ, chiếm tỷ lệ 2,5%.

+ Hộ nghèo Nhóm 3: (hộ có thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt các chiều từ 40 điểm trở lên) là 7.636 hộ, tỉ lệ 0,4%.

+ Hộ Cận nghèo (hộ có thu nhập từ 21 đến 28 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt các chiều dưới 40 điểm): 46.850 hộ, chiếm tỷ lệ 2,4%.

Tính đến 30/11/2016, Quỹ xóa đói giảm nghèo đang trợ vốn cho 28.824 hộ nghèo và 78 cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhận 688 lao động, với số tiền 314,9 tỷ đồng. Quỹ Quốc gia về việc làm giải ngân được 290,1 tỷ đồng của 11.830 dự án, giải quyết việc làm cho 15.834 lao động.

Công tác chăm lo tết: Thành phố đã tổ chức thăm và tặng quà tết Bính Thân cho 48.573 hộ nghèo (thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống) với tổng kinh phí 62,7 tỷ đồng.

8. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tổng số xã được Thành phố quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến nay là 54/56 xã, gồm: huyện Củ Chi 20/20 xã, huyện Hóc Môn 10/10 xã, huyện Bình Chánh 12/14 xã, huyện Nhà Bè 06/06 xã và huyện Cần Giờ 06/06 xã. Còn lại 02/56 xã chưa được công nhận đạt chuẩn: xã Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B thuộc huyện Bình Chánh, đạt 17/19 tiêu chí. Có 03/05 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè và huyện Hóc Môn.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 12 và năm 2016.